

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 379/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị T và
anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Kim Thành
- Bà Vương Thị Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 28-8-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-8-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Số CCCD: 03618000xxxx; Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Anh Dương Giang Đ, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số nhà 124 đường X, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Giang Đ tự do tìm hiểu, đến ngày 31-3-2011 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách, anh Đ không có sự thông cảm chia sẻ khó khăn về kinh tế, thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5-2023 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Dương Giang Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Dương Thành H, sinh ngày 17-02-2012. Hiện nay con chung đang ở với chị nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H và không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Dương Giang Đ theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Cháu Dương Thành H có đơn trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập.

Tại biên bản xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và anh Đ cư trú đã xác nhận: Chị T và anh Đ có một con chung là Dương Thành H, sinh năm 2012. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần đánh cãi chửi nhau phải gọi cảnh sát khu vực đến can thiệp. Chị T đã mang con đi nơi khác sinh sống, anh Đ vẫn ở tại số 124 đường X, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Thành H, sinh ngày 17-02-2012. Anh Dương Giang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Dương Giang Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, khác biệt nhau về lối sống và tính cách, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, cháu Dương Thành H có đơn đề nghị được ở với mẹ. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Thành H, sinh ngày 17-02-2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Giang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T.

[4] Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu, anh Dương Giang Đ không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Thành H, sinh ngày 17-02-2012. Anh Dương Giang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ có quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000157 ngày 16-6-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì chị Nguyễn Thị T và anh Dương Giang Đ có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T, thành phố N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng